ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1363 /ĐA-UBND	*Quảng Trị, ngày 16 tháng 5 năm 2013*

ĐỀ ÁN
Nâng cao năng lực hệ thống y tế cấp huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thôn, bản đến năm 2020

Thực hiện Nghị Quyết 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết 08/2008/NQ-HĐND về quy hoạch tổng thể hệ thống y tế tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 với mục tiêu: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống y tế trên địa bàn toàn tỉnh đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ, giảm tỷ lệ mắc bệnh tật và tử vong, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng giống nòi. Cùng với chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 có 10 bác sĩ và 1,5 dược sĩ/10.000 dân, 100% xã có bác sĩ.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng tuy nhiên do mô hình tổ chức y tế có nhiều thay đổi, công tác đào tạo nhân lực còn nhiều bất cập, đầu tư ngân sách cho xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị còn hạn chế; Mặt khác đề án "Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở xã, phường, thị trấn và y tế thôn, bản đến năm 2010 được thông qua tại Nghị Quyết 2d/2004/NQ-HĐND chỉ mới tập trung củng cố y tế xã, phường, thị trấn và y tế thôn bản .

Vì vậy cần phải triển khai đề án "Tiếp tục củng cố nâng cao năng lực hệ thống y tế huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và y tế thôn, bản khu phố đến năm 2020" để bảo đảm các tiêu chí quốc gia và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng cao.

Đề án gồm 3 phần:

Phần 1. Sự cần thiết và các căn cứ để xây dựng đề án;

Phần 2. Thực trạng hệ thống y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Y tế huyện) và Y tế xã, phường, thị trấn, thôn bản (gọi chung là Y tế xã).

Phần 3. Kế hoạch và các giải pháp củng cố nâng cao năng lực Y tế cấp huyện, thị, thành phố, xã, phường, thôn bản đến năm 2020.

Phần thứ nhất:
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, mặc dù tỉnh đã có nhiều cố gắng song sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vẫn còn nhiều bất cập, chưa theo kịp nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, cơ sở vật chất trang thiết bị còn thiếu, xuống

cấp nghiêm trọng, đội ngũ cán bộ bác sĩ, dược sĩ thiếu trầm trọng và chất lượng chưa đáp ứng nhu cầu: Trong khi đó mô hình bệnh tật có nhiều thay đổi, nhiều bệnh lạ có nguy cơ bùng phát thành dịch lớn là rất cao, nhiều loại bệnh, dịch mới xuất hiện và phát triển nhưng chưa có biện pháp chữa trị và phòng chống hiệu quả như SARS, HIV/AIDS, Cúm A H5N1...Nhiều loại bệnh khó chữa đã có xu hướng phát sinh trở lại với quy mô và tính chất nguy hiểm hơn nhiều lần do tình trạng kháng thuốc..., các bệnh không truyền nhiễm ngày càng phát triển như ung thư, tim mạch, nội tiết... Tỷ lệ người cao tuổi tăng, mô hình bệnh tật tuổi già cũng phát triển đã đặt ra những thách thức đối với ngành Y tế trước nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Đối với Việt nam nói chung và tỉnh Quảng trị nói riêng, vai trò và vị trí của mảng lưới y tế cấp huyện đến cơ sở từ hàng chục năm qua đã thể hiện vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, 65% các bệnh tật của người dân chủ yếu được chữa trị khỏi ở tuyến y tế cấp huyện đến cơ sở và hoạt động y tế nói trên đã góp phần giảm khó khăn, tốn kém cho người bệnh và gia đình, đồng thời giảm tình trạng quá tải cho tuyến tỉnh và trung ương.

Gần 10 năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hết sức quan tâm đến tổ chức mạng lưới tuyến huyện, cơ sở và đã ban hành nhiều nghị quyết, nhiều chính sách với mục tiêu củng cố và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, nhờ vậy hoạt động y tế của tuyến huyện, cơ sở đã có những tiến bộ quan trọng. Tuy vật, đến nay nhu cầu thực tế về chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao, do đó yêu cầu của hoạt động y tế ở tuyến huyện, cơ sở cần phải tiếp tục củng cố để nâng cao năng lực phục vụ việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.

I. Căn cứ Pháp lý:

- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia Bảo vệ, Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết 08/2008/NQ-HĐND Quy hoạch tổng thể hệ thống y tế tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết 13/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010;

- Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011 đến 2020.

II. Căn cứ thực tiễn:

Tổ chức bộ máy y tế tuyến huyện chưa phát huy được năng lực và hiệu quả, nhiều bộ phận chồng chéo, cơ sở vật chất, trang thiết bị không được đầu tư đồng bộ, xuống cấp nghiêm trọng, nhân lực phân tán, thiếu và yếu.

Mạng lưới y tế xã, phường đảm bảo tương đối về số lượng nhưng chất lượng và cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa bảo đảm, không đạt các tiêu chí Quốc gia;

Nhiều chính sách, nhiều chỉ tiêu và biện pháp của các Nghị quyết 2d/2004, Nghị quyết 04/2009/NQ-HĐND không thực hiện được (kế hoạch xây dựng nâng cấp nhà trạm, trang bị thiết bị, kế hoạch đào tạo nhân lực, chính sách thu hút, đãi ngộ...).

Hệ thống y tế thôn, bản, khu phố qua nhiều năm đào tạo đã có nhiều thay đổi, nhiều người chuyển công tác, nghỉ việc do đó cần phải bổ sung nhân lực và đào tạo cập nhật kiến thức liên tục.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY, CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ NHÂN LỰC Y TẾ TUYẾN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ, Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Y TẾ THÔN BẢN

(gọi chung là tuyến huyện, xã)

I. Mô hình tổ chức bộ máy của tuyến huyện hiện nay có 4 tổ chức:

1. **Phòng Y tế:** Thực hiện chức năng Quản lý Nhà nước về y tế trên địa bàn huyện;

2. Trung tâm Y tế huyện: Thực hiện chức năng Y tế dự phòng, phòng chống Bệnh xã hội và chăm sóc Sức khỏe sinh sản;

3. Bệnh viện huyện: Thực hiện chức năng Khám chữa bệnh-PHCN

4. Trung tâm Dân số KHHGD thực hiện chức năng tuyên truyền vận động thực hiện các chính sách dân số - KHHGĐ.

Toàn tỉnh hiện có:

09 Phòng Y tế.

10 Trung tâm y tế huyện

09 Trung tâm dân số huyện

08 Bệnh viện huyện

5. Tuyến y tế xã, phường, thôn bản:

Hiện có 141 Trạm y tế xã, phường, thị trấn (gọi chung là Trạm y tế xã) và 1122 nhân viên y tế thôn.

II. Thực trạng đội ngũ cán bộ:

Toàn tỉnh hiện có 2752 cán bộ, trong đó cán bộ Đại học có 669 người (riêng Bác sĩ có 426 người chiếm 64%) đạt 7.1 BS/vạn dân.

Bảng 1: Bảng tổng hợp thực trạng cán bộ hiện có
(số liệu có đến 01/3/2013)

TT	Cán bộ trên Đại học				Cán bộ Đại học				Cán bộ trung học				CB Sơ học / CB khác	Ghi chú
	Tổng số	CB Y	Dược	khác	**Tổng số**	CB Y	Dược	khác	**Tổng số**	CB Y	Dược	khác		
	213	204	8	1	**669**	528	34	107	**1618**	1415	129	74	**252**	

Với lực lượng cán bộ này đang được bố trí các tuyến như sau:

1. Tuyến tỉnh: Tổng số 979 người, trong đó:

* Cán bộ có trình độ trên Đại học về Y và Dược: 145, bao gồm:

Tiến sĩ: 02; Ths: 36 (Ths YTCC 08, khác 01); BSCK 2: 17; BSCK1: 90

* Cán bộ có trình độ Đại học về Y và Dược: 325, bao gồm: BS: 48; DSĐH: 21; CN Y học: 256.

* Cán bộ trung học về Y và Dược: 379

* Cán bộ sơ học: 28

* Cán bộ khác: 102

Bảng 2 : Bảng Tổng hợp cán bộ Tuyến tỉnh
(số liệu có đến 01/3/2013)

Tổng	TS và tương đương				Ths và tương đương				Cán bộ Đại học				Cán bộ trung học				CB SH+khác
	Tổng số	Y	Dược	khác	Tổng số	Y	Dược	khác	Tổng số	Y	Dược	khác	Tổng số	Y	Dược	khác	
979	19	19	0	0	126	118	7	1	325	285	21	19	379	327	39	13	130

2. Tuyến huyện: Tổng số 1028, Trong đó:

* Cán bộ có trình độ trên Đại học về Y và dược: 60, bao gồm:

Ts: 0 Ths: 03 BSCK 2: 01 BSCK1: 55, DSCKI: 01

* Cán bộ có trình độ Đại học về Y và Dược: 262, bao gồm:

BS: 99 DSĐH: 13 CN Y học: 150

* Cán bộ trung học về Y và Dược: 669

* Cán bộ sơ học: 23

* Cán bộ khác: 14.

Bảng 3 : Bảng tổng hợp cán bộ Tuyến huyện
(số liệu có đến 01/3/2013)

Tổng	TS và tương đương				Ths và tương đương				Cán bộ Đại học				Cán bộ trung học				CB SH + khác
	Tổng số	Y	Dược	khác	Tổng số	Y	Dược	khác	Tổng số	Y	Dược	khác	Tổng số	Y	Dược	khác	
1028	1	1	0	0	59	58	1	0	262	161	13	88	669	548	60	61	37

3/ Tuyến xã: Tổng số 745, trong đó:

BSCK1: 08; Bác sĩ: 82

DS: 0; CN Y học: 01; Cán bộ trung học: 570;

Cán bộ sơ học: 85; Cán bộ khác: 02.

Bảng 4 : Bảng tổng hợp cán bộ Tuyến xã, phường

(số liệu có đến 01/3/2013)

TT	Huyện, thị, TP	Tổng số xã	Tổng số cán bộ										Tỷ lệ % xã có BS
			Tổng số	Bác sĩ	Y sĩ	KTV Dược tá	DD TH	DD SH	HS TH	HS SH	Dược sĩ TH		
1	Vĩnh Linh	22	115	25	38	1	15	2	30	3	1		114
2	Gio Linh	21	105	12	36		15	9	26	4	3		57.14
3	Cam Lộ	9	46	5	14		6	2	15	3	1		56
4	Da krông	14	84	3	24	2	13	5	24	8	5		21,4
5	Hướng Hóa	22	128	22	31		10	17	32	11	8		86,36
6	Đông Hà	9	44	7	12		6	4	14	0	1		78
7	Triệu Phong	19	97	10	24		12	1	48	0	2		53
8	Hải Lăng	20	100	9	16	5	6	7	48	0	9		45
9	TX Quảng Trị	5	26		11	1	1	0	13	0	0		00
	TỔNG	**141**	**745**	**93 (8 BS CKI)**	**206**	**9**	**84**	**47**	**250**	**29**	**30**		**Đạt 64%**

90/141 xã có Bác sĩ đạt 64%; Hiện tại bình quân có 5 CB/trạm y tế.

4. Tuyến thôn bản: Tổng số 1122, (100% thôn bản có nhân viên y tế) trong đó chủ yếu cán bộ được đào tạo trình độ sơ học (9 tháng).

Để thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết 08/2008/NQ-HĐND tỉnh về quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 thì:

- Yêu cầu đến năm 2020 là 10 BS/vạn dân thì cần phải có 732 bác sĩ.

- 1,5 dược sĩ/vạn dân vào năm 2020 thì cần phải có 110 dược sĩ đại học.

Như vậy - So với chỉ tiêu và nhu cầu đến năm 2020 thì còn thiếu 306 bác sĩ và 70 dược sĩ.

III. Thực trạng cơ sở vật chất, Trang thiết bị và nhân lực tuyến huyện, xã:

1. Cơ sở vật chất - TTB tuyến huyện:

a. ***Về cơ sở vật chất:***

- Hiện có 9/9 Phòng Y tế huyện đã được bố trí cơ sở làm việc.

- Có 08 Bệnh viện huyện (bình quân 90gb) đã được xây dựng, nâng cấp kiên cố từ nguồn vốn TPCP và các nguồn vốn hợp pháp khác, đủ điều kiện để khám bệnh và tiếp nhận người bệnh điều trị nội trú:

Có 6/9 Trung tâm y tế huyện đã và đang được xây dựng kiên cố, đảm bảo hoạt động. 03 TTYT nhà cửa tạm bợ, xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu hoạt động (Hướng Hóa, Cam Lộ, Triệu Phong).

Có 9/9 Trung tâm dân số KHHGĐ được bố trí cơ sở làm việc.

b. Về trang thiết bị:

Tất cả các bệnh viện huyện được đầu tư trang thiết bị cơ bản cho công tác khám chữa bệnh theo tuyến; tuy nhiên chưa đảm bảo theo danh mục quy định của Bộ Y tế, đã qua thời gian sử dụng lâu, cũ kỹ, hư hỏng nhiều, một số TTB đã lỗi thời, chưa đáp ứng được nhu cầu, chất lượng KCB của bệnh viện. Mỗi BVĐK huyện có 1-2 xe ô tô cứu thương phục vụ vận chuyển cấp cứu (01 đã cũ).

Tất cả các Trung tâm y tế huyện (TTYT) chưa được đầu tư trang bị thiết bị y tế theo yêu cầu quy định và chưa đảm bảo để hoạt động, các phương tiện thiết bị thô sơ, chưa có nguồn đầu tư. Hiện tại có 04 TTYT đang được dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Bắc Trung Bộ đầu tư các trang thiết bị cơ bản, đáp ứng nhu cầu phục vụ chuyên môn (Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Đakrông). Có 05 TTYT được trang bị xe ô tô chuyên dụng mới từ dự án và ngân sách, 04 TTYT được trang bị xe nhưng đã quá cũ, hư hỏng nặng và hết thời gian sử dụng.

- Các Trung tâm Dân số nhà cửa tạm bợ, trang thiết bị chưa đảm bảo.

- Các phòng y tế được bố trí cơ sở làm việc nhưng đa số trang thiết bị thô sơ, chưa có nguồn đầu tư.

2. Cơ sở vật chất, TTB y tế tuyến xã:

Hiện có 141 trạm y tế (TYT) xã/phường/thị trấn, trong đó có 16/141 xã đạt các tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 (11,34%).

a. Về cơ sở hạ tầng: Đa số các TYT chưa đảm bảo diện tích sử dụng và số phòng theo quy định (Diện tích xây dựng và sử dụng của khối nhà chính từ 250m^2 trở lên, có ít nhất 10 phòng chức năng); không có các công trình phụ trợ.

Cơ sở hạ tầng nhiều trạm cũ, xuống cấp. Phần lớn trạm y tế được xây dựng từ những năm 1999-2000;

Hiện tại có 36/141 trạm y tế chỉ có 5-7 phòng, chưa đảm bảo diện tích và số phòng theo quy định. Có 53/141 trạm chất lượng còn dưới 60%, cần được nâng cấp hoặc xây mới.

Đa số trạm y tế xây dựng theo mẫu thiết kế trước đây không đảm bảo diện tích và không đủ các phòng chức năng cho hoạt động chuyên môn. Một số xã sau khi được công nhận xã đạt Chuẩn quốc gia y tế xong không đầu tư nâng cấp, duy tu bảo dưỡng nên ngày càng xuống cấp.

Trạm y tế chưa được đầu tư hệ thống xử lý rác thải nguy hại theo qui định của Bộ Y tế, phòng Đông y và vườn mẫu thuốc nam chưa đạt yêu cầu.

b. Về trang thiết bị tuyến xã: Đa số các TYT được trang bị dụng cụ y tế từ những năm 2000 do dự án Hỗ trợ y tế Quốc gia, đến nay đã lạc hậu và hư hỏng, không đồng bộ, trong nhiều năm chưa có nguồn đầu tư để mua sắm TTB y tế cho

tuyến xã, mỗi năm chỉ trích một phần ngân sách để bổ sung thay thế các dụng cụ y tế bị hư hỏng.

Toàn tỉnh có 49/141 trạm được trang bị máy điện châm (Tập trung ở Vĩnh Linh và Gio linh, hướng hóa). 16/141 trang bị máy điện tim, chỉ có 9/141 trạm được trang bị máy siêu âm.

3. Về nhân lực:

3.1. Đối với tuyến huyện:

Đội ngũ cán bộ y tế của các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến huyện thiếu về số lượng và yếu về chất lượng (chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao so với định mức chỉ đạt 89%).

Số lượng hiện có đa số là cán bộ trung học chiếm 65%. cán bộ đại học, bác sĩ, dược sĩ rất thiếu .

Các Trung tâm dân số chỉ tiêu được giao 6 người, (hiện nay chỉ có Trung tâm dân số Vĩnh linh được bố trí đủ 6 người) nhưng cán bộ tất cả các trung tâm có trình độ không đồng đều và không đúng chuyên ngành;

Các Phòng Y tế bình quân 4 cán bộ nhưng đa số là cán bộ trung học, chỉ 6/9 phòng có 01 cán bộ Đại học (bác sĩ);

3.2. Đối với tuyến xã:

- Các trạm y tế xã đã được bố trí đủ định mức, nhưng cơ cấu không hợp lý, đa số là Điều dưỡng và Nữ hộ sinh trung học, thiếu dược sĩ. Một số huyện như Vĩnh Linh, Hướng Hóa đã đạt chỉ tiêu mỗi xã có 01 Bác sĩ, các huyện còn lại đến năm 2015 thì đạt 100%.

3.3. Y tế thôn bản:

Hiện nay đã được bố trí đủ số lượng (Mỗi thôn bản khu phố 01 người) và được đào tạo cơ bản trình độ tương đương y tá sơ học nhưng có đến 30% trong đó luôn thay đổi công việc như bỏ việc, nghỉ việc chuyển đi địa bàn khác do đó số mới thay thế chưa được đào tạo bổ sung.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH CỦNG CỐ NÂNG CAO NĂNG LỰC HỆ THỐNG Y TẾ HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ, XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Y TẾ THÔN, BẢN, KHU PHỐ ĐẾN NĂM 2020

*** Mục tiêu:**

Nâng cao năng lực y tế cơ sở từ tuyến huyện, thị, thành phố đến xã, phường, thị trấn và y tế thôn, bản cả về mạng lưới tổ chức và cơ sở vật chất trang thiết bị đủ khả năng làm tốt công tác khám chữa bệnh, công tác y tế dự phòng cho nhân dân ngay ở tuyến y tế cấp huyện và cơ sở, giảm quá tải cho tuyến trên, hướng tới mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển.

*** Mục tiêu cụ thể:**

1. Về tổ chức bộ máy:

* Sắp xếp lại tổ chức bộ máy tuyến huyện tinh gọn theo hướng không có phòng Y tế và quản lý theo ngành để bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo.

2. Về nhân lực:

* Phấn đấu đến năm 2020:

- Đạt 10 BS/10.000 dân; 1.5 DS đại học/10.000 dân

- Đạt chỉ tiêu 100% xã có bác sĩ.

3. Về cơ sở vật chất, Trang thiết bị:

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở y tế tuyến huyện và Trạm Y tế xã đảm bảo tiêu chuẩn. Trong đó:

* Tuyến huyện: 100% BVDK huyện và TTYT có cơ sở vật chất kiên cố, đảm bảo trang thiết bị y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế.

* Tuyến xã, phường: Phấn đấu đến năm 2020 có 100% xã đạt các tiêu chí quốc gia về y tế và tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

A. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

I. Nhiệm vụ:

1. Kiện toàn bộ máy tổ chức,

2. Xây dựng cơ sở vật chất cho các Trung tâm Y tế huyện, thị xã; các trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia, mua sắm đầu tư trang thiết bị cho các đơn vị y tế huyện kể cả Bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện và y tế xã .

1. Về mô hình tổ chức :

a. Sắp xếp lại mô hình tổ chức y tế tuyến huyện theo hướng không có phòng Y tế, mạng lưới y tế huyện chỉ có 02 đơn vị sự nghiệp để tập trung nguồn lực và thống nhất hoạt động.

Hiện nay, trên địa bàn huyện đã có Bệnh viện huyện và TTYT huyện là 02 đơn vị y tế hoạt động có nề nếp và hiệu quả trong đó:

- Bệnh viện làm nhiệm vụ Khám chữa bệnh và phục hồi chức năng;

- Trung tâm y tế làm nhiệm vụ phòng chống dịch, phòng chống bệnh xã hội, sinh đẻ kế hoạch và quản lý y tế xã.

Giao thêm cho Trung tâm y tế huyện nhiệm vụ vận động thực hiện chính sách dân số và tham mưu cho UBND huyện Quản lý nhà nước về y tế.

(Trong giai đoạn 1986-2006 với mô hình này đã tồn tại và hoạt động hiệu quả, tập trung được nguồn lực).

Từ năm 2008 thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 03/2008/TTLT-BNV-BYT thì Phòng Y tế hình thành được tách ra từ Trung tâm y tế huyện và làm nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện Quản lý Nhà nước về Y tế trên địa bàn. Qua 5 năm hoạt động phòng gặp nhiều khó khăn, lực lượng cán bộ y tế trên địa bàn huyện là Bác sĩ đã thiếu lại bị phân tán do phải điều động từ Bệnh viện, Trung tâm y tế cho

Phòng Y tế. Đặc biệt là qua làm việc trực tiếp với lãnh đạo các địa phương và các Phòng y tế huyện, thị xã đều thống nhất không cần thiết phải có Phòng Y tế.

Bộ trưởng Bộ Y tế khi làm việc với UBND tỉnh cũng đã kết luận cần tiến hành tổ chức mạng lưới y tế huyện không có Phòng Y tế.

b. Về nhân lực:

**** Đối với các đơn vị sự nghiệp tuyến huyện:***

Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy đồng thời cũng sắp xếp lại đội ngũ cán bộ cho phù hợp với năng lực chuyên môn theo cơ cấu và định biên, phấn đấu các đơn vị khám, chữa bệnh đủ số lượng và bố trí đúng cơ cấu, định mức.

Triển khai kế hoạch luân chuyển cán bộ từ tuyến tỉnh về huyện và tuyến xã về huyện theo định kỳ để bảo đảm lực lượng BS cho các đơn vị tuyến huyện .

**** Đối với tuyến xã, phường***: Phấn đấu 100% xã có BS hoạt động ổn định; cơ cấu lại nhân sự các trạm phù hợp trong đó chủ yếu phấn đấu đào tạo bổ sung các chức danh để đúng với chuẩn quốc gia, trong giai đoạn 2013-2015 phải đào tạo bằng 2 cho cán bộ mỗi trạm y tế một Dược sơ học.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04/2009/NQ-HĐND về chính sách ưu đãi thu hút và đào tạo BS, DS và cán bộ y tế cơ sở.

Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút đối với sinh viên đại học Y- Dược tốt nghiệp cam kết về công tác tại tỉnh.

* Xây dựng quy chế mở để tuyển đặc cách đối với Bác sĩ;

2. Đầu tư xây dựng củng cố nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế:

- Tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm y tế huyện đạt quy chuẩn.

- Nâng cấp mở rộng các Bệnh viện huyện đảm bảo đủ điều kiện hoạt động với quy mô của bệnh viện hạng 2.

- Đầu tư xây mới và nâng cấp các trạm y tế để đạt tiêu chí Quốc gia về y tế.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị theo quy chuẩn của Bộ Y tế cho tuyến huyện kể cả hệ điều trị và hệ dự phòng và y tế xã, Y tế thôn bản.

2.1 Đối với tuyến huyện:

a. Đầu tư Xây dựng mới 03 Trung tâm y tế huyện (HH, CL, TP)

Diện tích sử dụng: 1.000m^2 (Quy mô theo Quyết định số: 2367/QĐ-BYT ngày 04/7/2007 về Tiêu chuẩn thiết kế TTYT huyện).

Quy mô: gồm các khối nhà: Khối hành chính quản trị; khối các khoa chuyên môn; khối đào tạo - chỉ đạo tuyến; các hạng mục phụ trợ.

b. Cung cấp trang thiết bị cho 03 TTYT huyện:

Đảm bảo đủ TTB y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế.

c. Đầu tư nâng cấp mở rộng 08 Bệnh viện huyện (sau 2015)

Diện tích:1.000m^2 cho mỗi bệnh viện. Quy mô: tăng thêm 20 gb/bệnh viện.

2.2 Đối với tuyến xã:

a. Đầu tư xây mới 50 trạm y tế theo chuẩn quốc gia

- Diện tích: 250m^2/trạm y tế và các công trình phụ trợ.

- Quy mô: đảm bảo có 9-10 phòng/TYT, có đầy đủ công trình phụ trợ.

b. Đầu tư nâng cấp sửa chữa mở rộng: 30 trạm y tế đảm bảo chuẩn quốc gia.

- Diện tích: 60m2/TYT, có cổng, hàng rào, hệ thống xử lý chất thải

- Quy mô: đảm bảo có 9-10 phòng/TYT, có đầy đủ công trình phụ trợ.

- Cung cấp trang thiết bị y tế cho 141 trạm y tế.

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI:

A. Kế hoạch củng cố tổ chức bộ máy:

Giai đoạn 2013-2014 Triển khai việc sắp xếp lại tổ chức y tế cấp huyện theo hướng không có phòng y tế, đến năm 2015 sẽ hoàn thiện mô hình mới, mỗi huyện có 02 đơn vị y tế đó là:

- Bệnh viện huyện làm nhiệm vụ Khám chữa bệnh, Phục hồi chức năng,

- Trung tâm Y tế có chức năng tham mưu giúp Sở Y tế và UBND huyện quản lý nhà nước về Y tế và làm nhiệm vụ công tác Y tế dự phòng, Dân số KHHGĐ:

- Sắp xếp lại lực lượng cán bộ bảo đảm chính sách và tinh gọn, phù hợp.

B. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế

Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Tổng nhu cầu đầu tư (Triệu đồng)			
			Tổng nhu cầu	Trung ương	Địa phương	Khác
I. Cơ sở vật chất						
1.1. Trung tâm y tế huyện	09					
Có cơ sở vật chất nhưng hư hỏng nặng, cần xây mới	03	15.000	45.000	20.000	15.000	10.000
Có cơ sở vật chất cần cải tạo, nâng cấp	06	2.000	12.000	8.000	4.000	
1.2. Bệnh viện ĐK huyện	09					
Có cơ sở vật chất cần mở rộng, nâng cấp thêm quy mô dủ 100gb	09	5.000	45.000	30.000	10.000	5.000
1.3. Trạm y tế	*141*					
Có cơ sở vật chất nhưng hư hỏng nặng, cần xây mới	50	3.500	175.000	87.000	35.500	52.500
Có cơ sở vật chất cần cải tạo, nâng cấp	30	1.000	30.000	10.000	10.000	10.000

II. Trang thiết bị						
1.1. Trung tâm y tế huyện	09					
Chưa được trang bị, cần đầu tư	03	7.000	21.000	15.000	3.000	3.000
Chưa có đủ danh mục, cần bổ sung nâng cấp	06	3.000	18.000	10.000	6.000	2.000
1.2. Bệnh viện ĐK huyện/TTYT có giường bệnh	10					
Chưa được trang bị, cần đầu tư (Cần có)	01	10.000	10.000	5.000	3.000	2.000
Chưa có đủ danh mục, cần bổ sung nâng cấp	09	5.000	45.000	30.000	10.000	5.000
1.3. Trạm y tế	*141*					
Chưa có đủ danh mục, cần bổ sung nâng cấp	141	500	70.500	30.000	30.000	10.500
Tổng cộng			**471.500**	**245.500**	**126.000**	**100.000**

PHẦN KỲ ĐẦU TƯ:

1. Giai đoạn 2013-2015:

- Về cơ sở vật chất

+ Xây dựng mới 20 trạm y tế:

3.500 triệu đồng x 20 = 70.000 triệu đồng

+ Nâng cấp 30 trạm y tế:

1.000 triệu đồng x 30 = 30.000 triệu đồng

- Về Trang thiết bị y tế:

+ BVĐK huyện: 30.000 triệu đồng

+ TTYT huyện: = 10.000 triệu đồng

+ Trạm y tế:

500 triệu đồng x 60 = 30.000 triệu đồng

Cộng (1): = 170.000 triệu đồng

2. Giai đoạn 2016-2020:

Về cơ sở vật chất

+ Xây dựng mới 03 TTYT huyện:

15.000 triệu đồng x 03 = 45.000 triệu đồng

+ Nâng cấp 09 BVĐK huyện:

5.000 triệu đồng x 09 = 45.000 triệu đồng

+ Nâng cấp 06 TTYT huyện:

2.000 triệu đồng	x	06	=	12.000 triệu đồng
+ Xây dựng mới 30 trạm y tế:				
3.500 triệu đồng	x	30	=	105.000 triệu đồng

Về Trang thiết bị y tế:

+ BVĐK huyện:				25.000 triệu đồng
+ TTYT huyện:				29.000 triệu đồng
+ Trạm y tế:	500 triệu đồng	x	81 =	40.500 triệu đồng
Cộng (2):			=	**301.500 triệu đồng**
Tổng cộng (1+2):				**471.500 triệu đồng**

TỔNG HỢP PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

Phân kỳ đầu tư	Tổng nhu cầu	Trung ương	Địa phương	Khác
Tổng số 2013-2020	**471.500**	**245.500**	**128.500**	**97.500**
	Giai đoạn 2013-2015			
XD mới 20 TYT	70.000	35.000	14.000	21.000
NC 30 TYT	30.000	10.000	10.000	10.000
TTB 3 TTYT	10. 000	4.000	3.000	3.000
TTB BVĐK huyện	30.000	15.000	10.000	5.000
NC TTB 60 TYT	30.000	15.000	10.000	5.000
CỘNG (1)	**170.000**	**79.000**	**47.000**	**44.000**
	Giai đoạn 2016-2020			
XD mới 3 TTYT	*45.000*	*20.000*	*15.000*	*10.000*
NC 9 BVĐK huyện	45.000	30.000	10.000	5.000
NC 06 TTYT	12.000	8.000	4.000	
XD mới 30 TYT	105.000	52.500	21.000	31.500
TTB BVĐK huyện	25.000	20.000	3.000	2.000
TTB TTYT	29.000	21.000	6.000	2.000
NC TTB 81 TYT	40.500	15.000	22.500	3.000
CỘNG (2)	**301.500**	**166.500**	**81.500**	**53.500**

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện. Chủ trì, chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức và hướng dẫn thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành tham mưu UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai Đề án và xây dựng lộ trình thực hiện của địa phương.

- Trực tiếp và phối hợp với các ngành, các cấp kiểm tra giám sát quá trình thực hiện Đề án, kịp thời sửa đổi bổ sung, khắc phục những thiếu sót vướng mắc trong quá trình thực hiện cũng như những thay đổi về cơ chế chính sách điều hành của Nhà nước. Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch - Đầu tư :

Cân đối chỉ tiêu kế hoạch hàng năm theo hướng ưu tiên bố tri kế hoạch và ngân sách xây dựng, sữa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị theo Đề án.

3. Sở Tài chính:

Cân đối chỉ tiêu kế hoạch hàng năm theo hướng ưu tiên bố trí ngân sách, kinh phí xây dựng, sữa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho các đơn vị theo đề án.

4. Sở Nội vụ:

- Phối hợp Sở Y tế tiến hành sắp xếp lại tổ chức y tế huyện theo mô hình của đề án để tham mưu UBND tỉnh cho triển khai thực hiện.

- Thẩm định và bố trí đủ chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị sự nghiệp y tế đúng định mức quy định theo Thông tư của liên bộ.

5. UBND các huyện, thị xã, Thành phố: Phối hợp Sở Y tế tiến hành triển khai thực hiện đề án trên phạm vi địa phương.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường